

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU
XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng được thành lập theo Quyết định số 35/2003/QĐ-UB ngày 17 tháng 3 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 28 tháng 05 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh Giấy phép như sau:

- Lần 1: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 29 tháng 06 năm 2004, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 15.000.000.000 VND.
- Lần 2: Giấy xác nhận số 683/KHĐT-ĐKKD ngày 13 tháng 04 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi Tên Công ty thành “ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng”.
- Lần 3: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 13 tháng 04 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND.
- Lần 4: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 18 tháng 06 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 41.391.600.000 VND.
- Lần 5: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 22 tháng 04 năm 2009, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 41.391.600.000 VND lên 85.000.000.000 VND.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 VND
- Trụ sở chính của Công ty:
 - Địa chỉ : Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt.
 - Điện thoại : (0633) 832 511 – 828 127 – 825 549
 - Fax : (0633) 830 142
 - Email : ctyvldld@hcm.vnn.vn
 - Mã số thuế : 5800391633

- Các Xí nghiệp thành viên:

Xí nghiệp Hiệp An

Địa chỉ : Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng.
Điện thoại : (063) 3913219
(063) 3840872
Fax : (063) 3840609
Mã số thuế : 5800391633 – 001

Xí nghiệp Gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ

Địa chỉ : Nghĩa Lập, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng.
Điện thoại : (063) 3848862
Fax : (063) 3620042
Mã số thuế : 5800391633 – 003

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xí nghiệp Đá Cát

Địa chỉ : 17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3832512

Mã số thuế : **5800391633 – 004**

Xí nghiệp Hiệp Tiến

Địa chỉ : Phường Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3868560

Fax : (063) 3868555

Mã số thuế : **5800391633 – 006**

Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực

Địa chỉ : 17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3552318

Mã số thuế : **5800391633 – 007**

- Công ty con: Công Ty Cổ Phần Hiệp Thành.

Công ty Cổ Phần Hiệp Thành được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước là Xí nghiệp Hiệp Thành thuộc Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng theo Quyết định số 3496/QĐ-UB ngày 09 tháng 11 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 059255 ngày 03 tháng 01 năm 2000 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 02 tháng 07 năm 2007.

- Công ty liên kết: Công ty Cổ Phần Hiệp Phú.
- Hoạt động chính của Công ty: sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng. Kinh doanh vận chuyển hàng. Khai thác, chế biến và kinh doanh Khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu; Trồng rừng.

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 31).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 1 tháng 7 năm 2011 các chức danh Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty đã được Hội đồng quản trị thống nhất bổ nhiệm căn cứ theo điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng Sản & Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 11 tháng 6 năm 2011 và biên bản họp Hội Đồng quản trị Công ty ngày 25 tháng 6 năm 2011.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 ngoài sự kiện nêu trên cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch	01-07-2011	
Ông Lương Hùng Minh	Chủ tịch		01-07-2011
Ông Lương Minh Nhật	Thành viên		
Ông Võ Xuân Sơn	Thành viên		
Ông Lê Xuân Diệp	Thành viên		
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên		
Ông Võ Lai	Thành viên	01-07-2011	
Ông Nguyễn Danh Cường	Thành viên		01-07-2011

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Vũ Ngọc Phách	Trưởng ban		
Ông Lê Cao Ân	Thành viên	01-07-2011	
Bà Nguyễn Viết Hưng	Thành viên	01-07-2011	
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên		01-07-2011
Bà Phan Phạm Phú Nam Châu	Thành viên		01-07-2011

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc điều hành	01-07-2011	
Ông Lương Hùng Minh	Tổng Giám đốc		01-07-2011
Ông Võ Xuân Sơn	Phó tổng Giám đốc điều hành		

Kế toán Trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Mỹ Dung	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán trong việc trình Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty, xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

~~Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc~~



NGUYỄN AN THÁI – Tổng Giám đốc điều hành

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 8 năm 2011

Số: 0026/2011/BC-KQSX

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, được lập ngày 23 tháng 8 năm 2011, từ trang 7 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công tác soát xét của Chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán

Kết luận về công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét toàn bộ Báo cáo tài chính hợp nhất, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2011

**VÕ THẾ HOÀNG – Giám đốc điều hành**
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV**VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên**
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.277.044.417	97.132.524.648
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		34.498.147.733	34.403.318.961
1. Tiền	111	V.1	11.897.762.866	13.903.318.961
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.600.384.867	20.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5.000.000.000	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.748.952.846	32.090.315.731
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	28.654.808.153	25.140.257.708
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	3.082.624.786	3.809.296.225
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1.497.147.091	6.626.388.982
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.485.627.184)	(3.485.627.184)
IV. Hàng tồn kho	140		23.777.752.731	22.045.698.966
Hàng tồn kho	141	V.6	23.777.752.731	22.045.698.966
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.252.191.107	2.593.190.990
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.202.355.722	821.969.713
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		381.000	3.300.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	2.049.454.385	1.767.921.277
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.487.170.012	102.471.168.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		89.740.804.145	96.386.533.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	87.083.308.055	94.024.096.368
Nguyên giá	222		173.651.756.785	173.135.080.524
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.568.448.730)	(79.110.984.156)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.218.284.394	1.391.898.094
Nguyên giá	228		4.108.074.373	4.108.074.373
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.889.789.979)	(2.716.176.279)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.439.211.696	970.539.397
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	965.356.367	1.001.371.049
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		965.356.367	1.001.371.049
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.781.009.500	5.083.263.242
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	4.194.130.095	4.357.956.097
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8.292.125	179.932.704
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	578.587.280	545.374.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		191.764.214.429	199.603.692.798

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

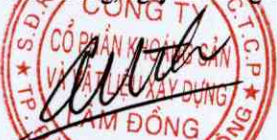
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		64.828.300.767	66.564.044.222
I. Nợ ngắn hạn	310		45.268.329.678	46.845.269.225
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	14.588.936.608	20.416.498.296
2. Phải trả người bán	312	V.16	11.365.540.386	8.406.327.663
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	2.375.613.408	3.741.581.172
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	2.562.771.348	2.171.359.835
5. Phải trả người lao động	315		8.207.826.919	7.743.871.787
6. Chi phí phải trả	316	V.19	900.508.476	1.140.635.154
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	3.342.582.755	1.904.953.454
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.924.549.778	1.320.041.864
II. Nợ dài hạn	330		19.559.971.089	19.718.774.997
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	19.252.541.960	19.252.541.960
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		237.429.129	396.233.037
3. Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ		V.22	70.000.000	70.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.935.913.662	133.039.648.576
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	119.081.559.117	125.098.158.983
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.378.566.720	21.378.566.720
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.372.135.515)	(2.549.053.629)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.694.340.246	7.847.423.239
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.167.602.714	1.563.731.348
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.213.184.952	11.857.491.305
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
III. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		7.854.354.545	7.941.489.593
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		191.764.214.429	199.603.692.798

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.052.863.586	1.052.863.586
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		299.503,96	265.350,22

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 8 năm 2011.



NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc điều hành

Nghehd

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

Nghehd

LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		104.847.601.027	86.323.476.701
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		50.086.850	1.825.372
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	104.797.514.177	86.321.651.329
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	71.807.564.440	57.757.220.512
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			32.989.949.737	28.564.430.817
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.555.757.424	1.446.591.681
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.563.566.951	2.894.473.687
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.561.659.307	2.887.917.931
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	11.553.814.313	9.990.552.485
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.531.728.520	8.305.254.166
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.896.597.378	8.820.742.160
11. Thu nhập khác	31	VI.7	788.452.629	1.184.225.712
12. Chi phí khác	32		434.198.224	9.611.537
13. Lợi nhuận khác	40		354.254.405	1.174.614.175
14. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		(36.014.682)	(72.998.320)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.214.837.101	9.922.358.015
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.635.077.639	2.083.602.363
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	171.640.579	(25.722.589)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.408.118.882	7.864.478.241
Trong đó				
- Thuộc về chủ sở hữu Công ty mẹ			8.344.352.016	7.209.895.276
- Thuộc về cổ đông thiểu số			1.063.766.866	654.582.965
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/Cổ phiếu)	70		1.001,32	863,23

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 8 năm 2011.



NGUYỄN AN THAI
Tổng Giám đốc điều hành

Phạm Thị Mỹ Dung

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

Lê Nam Đồng

LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		12.214.837.101	9.922.358.015
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7.631.078.274	6.985.129.850
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(47.950.944)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.195.004.407)	(899.514.981)
- Chi phí lãi vay	06		3.561.659.307	2.887.917.931
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.164.619.331	18.895.890.815
- Tăng các khoản phải thu	09		3.300.888.863	(2.030.934.562)
- Tăng hàng tồn kho	10		(1.732.053.765)	(769.749.969)
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp	11		(4.070.863.893)	(2.939.249.013)
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		(216.560.007)	230.759.021
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.561.659.307)	(2.887.917.931)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.962.880.884)	(1.539.547.274)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		27.066.900	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(844.618.643)	(384.380.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.103.938.594	8.574.870.587
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.742.936.281)	(10.821.351.184)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		80.000.000	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.000.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.151.019.089	1.119.513.301
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		488.082.808	(701.837.883)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	157.027.500
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.823.081.886)	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17.019.075.168	19.812.424.058
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(22.846.636.856)	(18.679.409.630)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.894.500.000)	(6.715.817.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.545.143.574)	(5.425.775.072)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		46.877.828	2.447.257.632
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		34.403.318.961	26.038.744.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		47.950.944	193.610.281
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	34.498.147.733	28.679.612.164

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 8 năm 2011.



NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc điều hành


PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng


LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng. Kinh doanh vận chuyển hàng. Khai thác, chế biến và kinh doanh Khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu; Trồng rừng.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất:

Công ty Cổ phần Hiệp Thành

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Công ty Cổ phần Hiệp Thành được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước là Xí nghiệp Hiệp Thành thuộc Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng theo Quyết định số 3496/QĐ-UB ngày 09 tháng 11 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 059255 ngày 03 tháng 01 năm 2000 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 02 tháng 07 năm 2007.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 58,48%

Quyền biểu quyết của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 58,48%

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty Cổ phần Hiệp Phú:

Địa chỉ trụ sở chính: 191 Tô Ngọc Vân, Phường 2, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 35,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 35,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp kết thúc năm.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty Mẹ sử dụng hình thức sổ nhật ký chung;

Công ty cổ phần Hiệp Thành áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

Công ty cổ phần Hiệp Phú áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

4. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Các Công ty con

Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các Báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010. Các Báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Tất cả các số dư và nghiệp vụ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Các Công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Công ty liên kết (đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các Công ty liên kết là những đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Nếu phần lỗ của Công ty vượt quá khoản đầu tư của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bốc tải, chi phí vận chuyển và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào các khoản phải thu không có khả năng thu hồi, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định khác	04 – 12

7. Tài sản cố định vô hình

Hệ thống chất lượng Iso

Toàn bộ các chi phí Công ty đã bỏ ra để xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Chi phí hầm mỏ, thăm dò và chi phí đền bù giải tỏa

Các chi phí Công ty đã bỏ ra để đền bù giải tỏa, thăm dò hầm mỏ và quyền khai thác hầm mỏ được khấu hao từ ba (03) đến mười hai (12) năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng hay lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá ba (03) năm.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các Công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	699.489.539	963.495.796
VND	632.901.579	896.907.836
USD quy đổi VND	66.587.960	66.587.960
Tiền gửi Ngân hàng	11.198.273.327	12.939.823.165
VND	5.099.414.252	7.839.379.375
USD quy đổi VND	6.098.859.075	5.100.443.790
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	22.600.384.867	20.500.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	34.498.147.733	34.403.318.961
2. Đầu tư ngắn hạn		
Tiền gửi tiết kiệm (*)	5.000.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng	5.000.000.000	6.000.000.000
(*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 6 tháng, lãi suất 14%/năm..		
3. Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	800.000.000	1.237.758.000
Công ty QL Đường bộ 1 LB	1.565.166.000	545.180.456
Công ty CP XD hạ tầng Đak Lak	346.268.344	346.268.344
DNTN Yên Tâm	228.075.000	278.075.000
Nhà làm việc Sở NN và PTNT Lâm Đồng	601.321.422	601.321.422
Công ty CP XD và TM Minh Phụng	333.209.000	333.209.000
Công ty TNHH Dương hải phát	83.152.040	653.152.040
Lee Dong Wook	120.833.110	442.458.300
Công ty CP Công Nghiệp Gốm Sứ Taicera	4.087.872.800	3.363.626.771
Công ty TNHH Vicera	327.875.715	357.794.405
Công ty TNHH Một thành viên 59	654.225.000	732.072.500
Công ty TNHH AGRIVINA - DALATHASFARM	278.052.000	266.415.000
Công ty CP Xây Dựng CN & Dân Dụng Dầu khí	591.390.250	582.206.750
Công ty TNHH XD TM Thuận Việt	1.939.376.600	1.165.896.100
Các khách hàng khác	16.697.990.872	14.234.823.620
Tổng cộng	28.654.808.153	25.140.257.708

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trung tâm công nghệ lọc hóa dầu - Hiệp tiến	207.000.000	207.000.000
Trần Thiện Hoàng - Lò mổ gia súc Đà Lạt	330.335.321	330.335.321
Trần Thiện Hoàng - Trường Thái Phiên (gói 3)	246.061.496	246.061.496
Nguyễn Văn Hồng - NLV Sở NN&PTNT Lâm Đồng	268.775.967	268.775.967
Vũ Văn Thông - Nhà ăn Dinh 2	195.212.200	195.212.200
Nguyễn văn Tư - Nhà máy Bentonite	200.000.000	200.000.000
Nguyễn Văn Tư - NLV Khối mặt trận đoàn thể Di Linh	279.164.430	279.164.430
Nguyễn Văn Tư - Trường Tiểu học Trại Mát	280.218.012	280.218.012
Công ty TNHH Phú Khang	-	800.000.000
DN Tư Nhân Dương Hải - D/truyền cao lanh siêu mịn	169.950.000	-
Các khách hàng khác	905.907.360	1.002.528.799
Tổng cộng	3.082.624.786	3.809.296.225

5. Phải thu khác

Cổ tức năm 2010	-	5.014.500.000
Tiền cổ tức chưa xử lý nguồn	-	442.122.000
Phải thu khác	1.497.147.091	1.169.766.982
Tổng cộng	1.497.147.091	6.626.388.982

6. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	10.971.445.927	7.701.028.137
Công cụ dụng cụ	443.118.510	476.731.753
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.166.803.393	4.004.718.949
Thành phẩm	7.192.983.329	9.859.818.555
Hàng hóa	3.401.572	3.401.572
Cộng giá gốc hàng tồn kho	23.777.752.731	22.045.698.966

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí bóc tách phủ	303.505.370	91.531.475	148.196.242	246.840.603
Chi phí bảo hiểm tài sản	64.321.997	126.260.364	83.906.590	106.675.771
Chi phí công cụ dụng cụ	43.958.526	237.398.280	87.540.019	193.816.787
Chi phí khác	410.183.820	955.900.346	711.061.605	655.022.561
Tổng cộng	821.969.713	1.411.090.465	1.030.704.456	1.202.355.722

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng nhân viên	2.049.454.385	1.767.921.277
Tổng cộng	2.049.454.385	1.767.921.277

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

9. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình									
Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình		
I. Nguyên giá									
1. Số đầu năm	51.748.279.129	98.974.127.218	20.026.018.791	1.549.635.628	520.611.939	316.407.819	173.135.080.524		
2. Tăng trong kỳ	21.803.073	153.363.636	1.125.890.909	17.390.000	-	-	1.318.447.618		
3. Giảm trong kỳ	-	801.771.357	-	-	-	-	801.771.357		
4. Số cuối kỳ	51.770.082.202	98.325.719.497	21.151.909.700	1.567.025.628	520.611.939	316.407.819	173.651.756.785		
II. Hao mòn lũy kế									
1. Số đầu năm	21.975.528.920	45.569.982.657	9.817.667.460	1.322.134.838	195.527.939	230.142.342	79.110.984.156		
2. Tăng trong kỳ	1.581.695.692	4.660.910.571	1.110.640.361	64.787.036	30.804.366	8.626.548	7.457.464.574		
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-		
4. Số cuối kỳ	23.557.224.612	50.230.893.228	10.928.307.821	1.386.921.874	226.332.305	238.768.890	86.568.448.730		
III. Giá trị còn lại									
1. Số đầu năm	29.772.750.209	53.404.144.561	10.208.351.331	227.500.790	325.084.000	86.265.477	94.024.096.368		
2. Số cuối kỳ	28.212.857.590	48.094.826.269	10.223.601.879	180.103.754	294.279.634	77.638.929	87.083.308.055		

Giá trị của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 35.369.095.559 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

10. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Chỉ tiêu	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	Chi phí hầm mỏ, thăm dò	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	431.993.275	2.528.795.098	1.120.786.000	26.500.000	4.108.074.373
2. Tăng trong kỳ		-	-		-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-		-
4. Số cuối kỳ	431.993.275	2.528.795.098	1.120.786.000	26.500.000	4.108.074.373
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	239.264.367	1.354.800.912	1.120.786.000	1.325.000	2.716.176.279
2. Tăng trong kỳ	51.454.328	119.509.372	-	2.650.000	173.613.700
3. Giảm trong kỳ	-	-	-		-
4. Số cuối kỳ	290.718.695	1.474.310.284	1.120.786.000	3.975.000	2.889.789.979
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	192.728.908	1.173.994.186	-	25.175.000	1.391.898.094
2. Số cuối kỳ	141.274.580	1.054.484.814	-	22.525.000	1.218.284.394

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số dư cuối kỳ
Nhà máy cao lạnh Hiệp Tiến	-	423.721.255	-	-	423.721.255
Dự án cao lạnh Trại mát 2 Hiệp An	94.959.091	154.319.117	-	102.180.000	147.098.208
Dự án Hiệp An - 2010	468.891.764	-	-	-	468.891.764
Công trình khác	406.688.542	14.615.000	21.803.073	-	399.500.469
Tổng cộng	970.539.397	592.655.372	21.803.073	102.180.000	1.439.211.696

12. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	965.356.367	1.001.371.049
Tỷ lệ góp vốn	35%	35%

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Phí đền bù	2.157.906.382	26.000.000	113.684.052	2.070.222.330
Phí thăm dò	45.669.044	-	5.722.331	39.946.713
Chi phí đền bù hoa màu mỏ đá	743.122.592	767.065.335	635.800.563	874.387.364
Chi phí công cụ, dụng cụ	706.182.500	45.561.525	272.019.860	479.724.165
Chi phí khác	705.075.579	676.693.606	651.919.662	729.849.523
Tổng Cộng	4.357.956.097	1.515.320.466	1.679.146.468	4.194.130.095

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

14. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ký quỹ dài hạn	578.587.280	545.374.441
Cộng	578.587.280	545.374.441

15. Vay và nợ ngắn hạn

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.253.460.000	-	2.086.730.000	2.166.730.000
Ngân hàng công thương	11.752.181.296	12.793.615.022	14.569.881.710	9.975.914.608
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	2.695.026.000	935.845.146	3.630.871.146	-
Ngân hàng NN&PTNT CN Lâm Đồng	1.715.831.000	3.289.615.000	2.559.154.000	2.446.292.000
Tổng cộng	20.416.498.296	17.019.075.168	22.846.636.856	14.588.936.608

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay số 10080001/HĐTĐHM ngày 22/2/2011 với hạn mức cho vay là 14 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất 17%/năm và thay đổi theo quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Khoản vay Ngân hàng NHNN&PTNN Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay số 5400LAV201000173/HĐTĐ ngày 01 tháng 02 năm 2010 với hạn mức cho vay là 2 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất 12%/năm và không có tài sản đảm bảo

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dương Phát	590.754.880	534.275.711
Lương Ngọc Thiện -Đà Lạt	326.296.000	215.753.500
Xí Nghiệp Than Nha Trang	889.439.650	292.139.320
Nguyễn Phước Tạo	342.208.143	58.159.860
Công ty TNHH Một Thành Viên xi măng LUKS(Ninh Thuận)	870.897.550	843.323.000
Công ty TNHH ĐT & TV xây dựng Quốc tế	391.952.000	187.845.900
DNTN VLXD Thanh Trà	321.148.610	154.919.000
Công ty TNHH Phú Khang	617.760.000	-
Cửa hàng VLXD 815	728.973.000	-
Công ty Jiangsu - Máy sấy - Hiệp Tiến	-	970.509.150
Công ty TNHH công nghiệp TBD Nhơn Trạch	51.017.300	515.695.950

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Phú Khang	1.857.193.840	-
Hoàng Kim Dung	-	591.639.000
Các khách hàng khác	4.377.899.413	4.042.067.272
Cộng	11.365.540.386	8.406.327.663

17. Người mua trả tiền trước

Công ty CON Q	-	454.652.445
Công ty EUN SUNG INDUSTRY CO.	-	336.419.850
Công ty TNHH 1 thành viên Hoá phẩm dầu khí Miền Nam	641.819.612	1.317.186.612
Làng SOS - Cụm sân thể thao SOS	120.000.000	120.000.000
Các khách hàng khác	1.613.793.796	1.513.322.265
Cộng	2.375.613.408	3.741.581.172

18. Thuế và các khoản phải nộp khác

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối kỳ
I. Thuế	2.072.575.635	9.647.971.025	9.212.794.102	2.507.752.558
1. Thuế giá trị gia tăng hàng bán trong nước	618.222.143	4.543.860.940	4.748.360.141	413.722.942
2. Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	80.877.361	81.094.361	(217.000)
3. Thuế xuất, nhập khẩu	-	234.538.674	234.642.674	(104.000)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.168.791.141	2.668.302.639	1.962.880.884	1.874.212.896
5. Thuế tài nguyên	284.152.452	1.597.975.532	1.682.714.511	199.413.473
6. Tiền thuê đất	(3.300.000)	300.581.728	297.341.728	(60.000)
7. Các loại thuế khác	4.709.899	221.834.151	205.759.803	20.784.247
Thuế môn bài	-	11.000.000	11.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.709.899	210.834.151	194.759.803	20.784.247
II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	95.484.200	587.500.780	628.347.190	54.637.790
1. Phí trước bạ	-	86.800.000	86.800.000	-
2. Phí bảo vệ môi trường	95.484.200	500.700.780	541.547.190	54.637.790
Cộng	2.168.059.835	10.235.471.805	9.841.141.292	2.562.390.348

(*) Khoản thuế được trình bày trên phần thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

19. Chi phí phải trả

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	748.366.000	769.665.154
Chi phí phải trả khác	152.142.476	370.970.000
Tổng cộng	900.508.476	1.140.635.154

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	377.028.929	386.866.630
Bảo hiểm xã hội	129.614.172	135.772.266
Bảo hiểm Y tế	44.468.995	34.313.597
Bảo hiểm thất nghiệp	13.786.146	12.628.385
Phải trả khác	2.777.684.513	1.335.372.576
Tổng Cộng	3.342.582.755	1.904.953.454

21. Vay và nợ dài hạn

Đối tượng	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng Đầu tư	3.440.000.000	-	-	3.440.000.000
Ngân hàng Công thương	15.812.541.960	-	-	15.812.541.960
Tổng cộng	19.252.541.960	-	-	19.252.541.960

Vay chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng bao gồm các hợp đồng như sau:

- Khoản vay (A) Hợp đồng vay số 08220005/HĐ ngày 29/04/2008 với số tiền cho vay là 19,5 tỷ đồng, thời hạn 9 năm. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư nâng cấp nhà máy Hiệp An. Khoản vay chịu lãi suất là 1,3%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh V.9). Khoản vay được thanh toán từ ngày 29/07/2009 đến ngày 29/07/2017 với số tiền 609 triệu đồng/quý.
- Khoản vay (B) Hợp đồng vay số 09220008 ngày 19/01/2009 với số tiền cho vay là 2,5 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư Nhà chứa nhiên liệu, nhà xưởng nghiền-trộn liệu, thiết bị sàng phân ly samốt và hệ móng máy, móng lò nung, sấy, lò sinh khí than nóng, Tầm Carbon silic và trụ nung. Khoản vay chịu lãi suất là 1,06%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản, giá trị tài sản đảm bảo 5.161.399.000 VND. Khoản vay được thanh toán nợ gốc hàng quý từ ngày 19/07/2009 đến ngày 19/07/2012 với số tiền 143 triệu đồng/quý, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 19/10/2012 với số tiền thanh toán là 62 triệu đồng.
- Khoản vay (C) Hợp đồng vay số 09080001 ngày 03/09/2009 với số tiền cho vay là 3,3 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng nhà xưởng. Khoản vay chịu lãi suất là 10,5%/ năm (0,875%/tháng) và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 09080001, giá trị tài sản đảm bảo 6.795.760.000 VND. Khoản vay được thanh toán nợ gốc 6 tháng/lần từ ngày 03/10/2010 đến ngày 03/04/2014 với số tiền 374 triệu đồng/6 tháng, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 03/09/2014 với số tiền thanh toán là 308 triệu đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

- Khoản vay (D) Hợp đồng vay số HD 10080002DN ngày 24/3/2010 với số tiền cho vay là 460.147.650 VND, thời hạn 36 tháng. Khoản vay nhằm mục đích nhập máy móc thiết bị. Khoản vay chịu lãi suất là 15%/năm (1,25%/tháng). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay được thanh toán hàng quý từ ngày 24/06/2010 đến ngày 24/12/2012 với số tiền 38,25 triệu đồng/quý, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 24/03/2013 với số tiền thanh toán là 39,667,650 VND.

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng

Hợp đồng vay số 01/2008/HĐ ngày 12/05/2008 với hạn mức cho vay là 5,5 tỷ đồng với thời hạn 84 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư nâng cấp nhà máy bê tông Hiệp Lực. Khoản vay chịu lãi suất là 1,46%/tháng và không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được thanh toán nợ gốc hàng quý, từ ngày 25/2/2009 đến ngày 25/5/2010 thanh toán với số tiền 150 triệu đồng/quý, từ ngày 25/8/2010 đến ngày 25/5/2011 thanh toán với số tiền 180 triệu đồng/quý, từ ngày 25/08/2011 đến ngày 25/05/2012 thanh toán với số tiền 220 triệu đồng/quý, từ ngày 25/08/2012 đến ngày 09/05/2015 thanh toán với số tiền 250 triệu đồng/quý

22. Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ phát triển sản phẩm mới XN Hiệp Tiến	70.000.000	70.000.000
Tổng Cộng	70.000.000	70.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

23. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
Số dư 1/1/2010	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.425.234.557)	8.028.930.488	1.189.493.931	7.432.729.978	418.233.054	121.022.719.614
Tăng vốn trong năm	-	-	157.500.000	-	-	-	-	157.500.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	10.813.800.581	-	10.813.800.581
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-	-	368.821.371	-	-	-	368.821.371
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.132.459.077	-	1.132.459.077
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(5.845.000.000)	-	(5.845.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	582.130.457	374.237.417	(1.538.498.331)	-	(582.130.457)
Giảm khác	-	-	(281.319.072)	(1.132.459.077)	-	(138.000.000)	(418.233.054)	(1.970.011.203)
Số dư 31/12/2010	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.549.053.629)	7.847.423.239	1.563.731.348	11.857.491.305	-	125.098.158.983
Số dư 1/1/2011	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.549.053.629)	7.847.423.239	1.563.731.348	11.857.491.305	-	125.098.158.983
Tăng vốn trong kỳ	-	-	(1.823.081.886)	-	-	-	-	(1.823.081.886)
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	8.344.352.016	-	8.344.352.016
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(11.382.740.000)	-	(11.382.740.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	846.917.007	603.871.366	(2.536.918.369)	-	(1.086.129.996)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(69.000.000)	-	(69.000.000)
Số dư 30/06/2011	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	8.694.340.246	2.167.602.714	6.213.184.952	-	119.081.559.117

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	342.500	142.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	342.500	142.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.157.500	8.357.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.157.500	8.357.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Doanh thu bán hàng	104.847.601.027	86.323.476.701
Các khoản giảm trừ doanh thu	50.086.850	1.825.372
Doanh thu thuần	104.797.514.177	86.321.651.329

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán	71.807.564.440	57.757.220.512
Tổng cộng	71.807.564.440	57.757.220.512

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.151.019.089	972.513.301
Chênh lệch tỉ giá thanh toán	356.787.391	474.078.380
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	47.950.944	-
Tổng cộng	2.555.757.424	1.446.591.681

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	3.561.659.307	2.887.917.931
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	1.907.644	6.555.756
Tổng cộng	3.563.566.951	2.894.473.687

5. Chi phí bán hàng

Chi phí lương nhân viên	1.013.823.144	532.237.413
Chi phí nguyên vật liệu	2.094.517.587	1.215.501.509
Chi phí khấu hao	689.269.914	553.089.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.998.276.365	6.738.674.298
Chi phí bằng tiền khác	757.927.303	951.049.857
Tổng cộng	11.553.814.313	9.990.552.485

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí lương nhân viên	2.157.434.700	5.081.448.994
Chi phí nguyên vật liệu	1.160.627.837	758.367.613
Chi phí khấu hao	1.596.775.913	513.410.050
Thuế, phí lệ phí	1.524.302.721	247.407.120
Chi phí dự phòng	-	46.243.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.512.364.900	308.558.153
Chi phí bằng tiền khác	580.222.449	1.349.819.236
Tổng cộng	8.531.728.520	8.305.254.166

7. Thu nhập khác

Thu nhập từ việc xử lý cổ tức	-	1.132.459.077
Thu nhập từ bán phế phẩm, phế liệu	271.657.377	36.555.179
Thu nhập từ thanh lý tài sản	80.000.000	-
Thu nhập khác	436.795.252	15.211.456
Tổng cộng	788.452.629	1.184.225.712

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% thu nhập chịu thuế trừ thu nhập chịu thuế từ dự án nhà máy sản xuất gạch Tuynen đầu tư năm 2002 tại xí nghiệp Thạnh Mỹ chịu thuế suất 20%.

Đối với thu nhập chịu thuế từ Xí nghiệp Hiệp Tiến được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 (bốn) năm tiếp theo.

Đối với thu nhập chịu thuế từ Xí nghiệp Thạnh Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 (ba) năm tiếp theo.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ. Việc xác định và tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Các Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế

	6 tháng đầu năm 2011
Lợi nhuận kế toán trước thuế.	12.301.159.466
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	177.331.551
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	784.820.944
Thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	11.693.670.073
* Thuế suất 20%.	266.501.945
* Thuế suất 25%.	11.427.168.128
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ	2.910.092.421
* Thuế suất 20%.	53.300.389
* Thuế suất 25%.	2.856.792.032
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong kỳ	275.014.782
Chi phí thuế TNDN hiện hành dự tính phải nộp	<u>2.635.077.639</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Hoàn nhập khoản chi phí thuế thu nhập hoãn lại đầu kỳ (a)	179.932.704
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong (b)	(8.292.125)
Ghi nhận khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ (a)+(b)	<u>171.640.579</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2011
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	8.333.500
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ	176.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	8.333.392
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.344.352.016
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.001,32

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	Công ty liên kết

Trong năm, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty CP hiệp Thành	Thu nhập từ cổ tức	736.870.000
	Bán thanh lý TSCĐ	370.379.490
Công ty CP Hiệp Phú	Nhận tiền bán nguyên liệu	437.758.000
Số dư các khoản công nợ phải thu, (phải trả) với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2011		
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	Tạm ứng cổ tức	368.435.000
	Phải thu tiền bán nguyên vật liệu	424.683.939
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	Phải thu tiền bán nguyên vật liệu	800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	50,21	45,48
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	49,79	54,52
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	33,81	35,32
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	66,19	64,68
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,13	1,51
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,24	4,48
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,76	0,65
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	11,66	11,49
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	8,98	9,11
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6,37	5,02
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	4,91	3,98
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	7,90	6,52

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 8 năm 2011



NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc điều hành

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu